

Số: /BC-UBND

Cao Lộc, ngày tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 875/SLĐTBXH-BTXHTE, ngày 16/5/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn về việc đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2024

1. Đánh giá công tác quản lý chương trình

Ban Chỉ đạo giảm nghèo từ huyện đến cơ sở được kiện toàn phù hợp với tình hình thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và giảm nghèo tại địa phương. Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp đã tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền ban hành Chương trình hành động, kế hoạch chuyên đề về giảm nghèo và đưa giảm nghèo là một nội dung, chỉ tiêu quan trọng vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp.

Cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương căn cứ vào chỉ tiêu Nghị quyết về công tác giảm nghèo đã tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành tập trung, quyết liệt và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công tác giảm nghèo, an sinh xã hội của địa phương.

Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia được kịp thời. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của huyện, các thành viên Ban Chỉ đạo là Trưởng các cơ quan chuyên môn nên đã chỉ đạo giải quyết kịp thời các vướng mắc trong thực hiện Chương trình. Công tác tuyên truyền, phổ biến đã được quan tâm thực hiện; hầu hết người dân trên địa bàn được hưởng lợi đều được tuyên truyền chính sách sâu rộng mục đích ý nghĩa về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và chủ động tham gia trong lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cấp trên, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành kịp thời các văn bản¹ để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo trên địa bàn.

¹Kế hoạch số 67/KH-UBND, ngày 5/02/2021 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm lĩnh vực giảm nghèo năm 2021; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 20/4/2021 về việc thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

- Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2022: 5.589 triệu đồng, trong đó nguồn vốn Trung ương cấp 5.589 triệu đồng. Giải ngân năm 2022: 1.338.216.000đ đạt 23,94% kế hoạch, số tiền còn lại là 4.250.784.000đ được chuyển nguồn sang năm 2023 đạt 58,91%.

- Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2023: 13.558 triệu đồng, trong đó nguồn vốn Trung ương cấp 13.164 triệu đồng, nguồn vốn địa phương cấp 218 triệu đồng. Tính đến thời điểm báo cáo giải ngân được 7.135 triệu đồng đạt 46,82% kế hoạch.

- Tổng kế hoạch vốn 2024: 10.008 triệu đồng trong đó nguồn vốn trung ương cấp 10.008 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án

a) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

* Năm 2022, 2023 tổ chức triển khai được tổng số 17 dự án chăn nuôi trâu bò thương phẩm, nuôi lợn, trồng cây macca, hồng Bảo Lâm, Hồi tại 08 xã cho 390 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia, với tổng kinh phí từ ngân sách 7.531 triệu đồng, trong đó:

- Đối với nguồn kinh phí năm 2022 (2.095 triệu đồng): Triển khai 04 dự án chăn nuôi trâu, bò thương phẩm tại 02 xã Thạch Đạn, Lộc Yên cho 72 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia, với tổng kinh phí từ ngân sách Trung ương 2.095 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân tính đến 31/12/2023: 1.856,135 triệu đồng/2.095 triệu đồng đạt 92,8%.

2021; Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 23/8/2021 về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện.

Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 28/02/2022 về việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 31/8/2022 về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Cao Lộc; Hướng dẫn số 11/HD-UBND ngày 31/8/2022 về việc triển khai thực hiện các dự án chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 07/9/2022 về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 08/9/2022 về việc giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025.

Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 27/02/2023 về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 06/3/2023 về triển khai công tác giáo dục nghề nghiệp, thực hiện một số chỉ tiêu về lao động - việc làm trên địa bàn huyện Cao Lộc năm 2023; Hướng dẫn số 04/HD-UBND ngày 20/3/2023 về triển khai thực hiện dự án 2 đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2023; Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 15/5/2023 về thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 10/4/2023 về thực hiện Dự án 7 nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2023.

Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 20/03/2024 về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 07/3/2024 về triển khai công tác giáo dục nghề nghiệp, thực hiện một số chỉ tiêu về lao động - việc làm trên địa bàn huyện Cao Lộc năm 2024; Công văn số 867/UBND-LĐTĐBXHDT ngày 02/4/2024 về triển khai thực hiện dự án 2 đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 13/3/2024 về thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024; Công văn số 922/UBND-LĐTĐBXHDT ngày 08/4/2024 về việc tiếp tục thực hiện giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024; Kế hoạch số 198/KH-VHTT ngày 02/4/2024 về việc thực hiện Tiểu dự án 1 - dự án 6 giảm nghèo về thông tin; Kế hoạch số 160/KH-LĐTĐBXHDT ngày 26/3/2024 về việc thực hiện dự án 7 nâng cao năng lực và giám sát chương trình MTQG giảm nghèo năm 2024; Kế hoạch số 159/KH-LĐTĐBXHDT ngày 26/3/2024 về Tiểu dự án 2 - dự án 6 truyền thông về giảm nghèo.

- Đối với nguồn kinh phí năm 2023 (5.436 triệu đồng): Triển khai 13 dự án chăn nuôi trâu, bò thương phẩm, nuôi lợn, trồng cây macca, trồng hồng, trồng hồi tại 07 xã: Lộc Yên, Xuân Long, Thanh Lò, Bình Trung, Hoà Cư, Phú Xá, Công Sơn cho 318 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tham gia với tổng kinh phí từ ngân sách 5.436 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân tính đến 31/12/2023 đạt 2.362 triệu đồng/5.436 triệu đồng đạt 43,45%.

- Hiệu quả sử dụng: Đến thời điểm này các Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo đến ngày 31/12/2023 giải ngân được 4.218,135 triệu đồng/7.531 triệu đồng đạt 56,01%. Tất cả các xã có dự án sử dụng đồng vốn đúng mục đích phê duyệt của dự án, triển khai công tác tập huấn cho người dân, tiến hành đấu thầu, một số xã đã giải ngân xong hỗ trợ thức ăn, giống lợn, trâu, bò cho nhân dân. Qua công tác bám sát địa bàn và thường xuyên cập nhật thông tin từ cơ sở con giống phát triển tốt, tỷ lệ chết dưới 5%; các dự án còn lại đã xong thủ tục đấu thầu trong Quý I năm 2024 sẽ cấp cây, con giống, thức ăn, phân bón cho các hộ tham gia dự án đảm bảo đúng đối tượng, theo quy định. Qua đánh giá những năm đầu nhân dân đồng tình ủng hộ các chính sách hỗ trợ.

* Năm 2024, dự kiến triển khai 10 dự án chăn nuôi trâu, bò thương phẩm, nuôi lợn, trồng cây hạt dẻ, cây trám đen, trồng hồng, trồng hồi tại 07 xã: Lộc Yên, Xuân Long, Thạch Đạn, Bình Trung, Hoà Cư, Phú Xá, Công Sơn cho khoảng 250 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tham gia với tổng kinh phí từ ngân sách 4.815 triệu đồng. Hiện nay các dự án đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt.

b) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

** Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Năm 2022, 2023 tổ chức triển khai được tổng số 15 dự án chăn nuôi trâu bò thương phẩm, nuôi lợn, trồng cây macca, hồng Bảo Lâm, Hồi tại 07 xã cho 216 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia, với tổng kinh phí từ ngân sách là 5.875 triệu đồng, trong đó:

+ Năm 2022: Phê duyệt được 01 dự án liên kết sản xuất khoai tây thương phẩm xã Bình Trung, hỗ trợ cho 46 hộ tham gia; trong đó: 20 hộ nghèo, 26 hộ cận nghèo, với tổng kinh phí 250 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến hết ngày 31/12/2022: 01 dự án, tổng kinh phí đã giải ngân 250 triệu đồng, đạt 100%.

+ Nguồn vốn năm 2022 chuyển năm 2023: Kinh phí 656 triệu đồng. Thực hiện 04 dự án, hỗ trợ cho 139 hộ tham gia. Kết quả thực hiện: Đến nay đã phê duyệt được 4/4 dự án đạt 100% kế hoạch, hỗ trợ cho 128 hộ tham gia (trong đó: 73 hộ nghèo, 12 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo) với tổng kinh phí 656 triệu đồng. Giải ngân đạt 100%.

+ Năm 2023: Kinh phí 2.398 triệu đồng thực hiện 10 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (04 dự án trồng trọt, 05 dự án chăn nuôi, 01 lâm nghiệp hỗ trợ phân bón cải thiện dinh dưỡng cho cây Hồi), hỗ trợ cho 290 hộ gia đình tham gia. Đến nay đã giải ngân được 1.228/2.398 triệu đồng đạt 63%.

- Hiệu quả sử dụng: Các Tiểu dự án 1, Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến ngày 31/12/2023 giải ngân được 2.134/5.875 triệu đồng đạt 36%. Có một số dự án đã giải ngân đạt 100% tuy nhiên còn dự án giải ngân đạt thấp, chưa cấp con giống do điều kiện thời tiết. Còn dự án chưa có đơn vị trúng thầu. Qua tiến hành kiểm tra các dự án hiện nay phát triển tốt, các cơ quan chuyên môn của huyện thường xuyên nắm bắt thông tin từ cơ sở cùng tháo gỡ những vướng mắc khó khăn được kịp thời. 100% các dự án đều sử dụng nguồn vốn đúng mục đích đạt hiệu quả trước mắt như; Chăn nuôi lợn thương phẩm, trồng khoai tây...

- Năm 2024, dự kiến triển khai 09 dự chăn nuôi trâu, gà, ong, trồng cây hạt dẻ, cây hời, cây mắc ca, cây sớ tại 10 xã: Công Sơn, Lộc Yên, Thạch Đạn, Cao Lâu, Xuất Lễ, Tân Liên, Gia Cát, Yên Trạch với tổng kinh phí từ ngân sách 2.571 triệu đồng. Hiện nay các dự án đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt.

** Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

- **Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn:** Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi (Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, lợi ích của bổ sung viên sắt/đá vi chất cho phụ nữ mang thai, cho trẻ bú sớm trong vòng 01 giờ đầu sau sinh, bú hoàn toàn trong sáu tháng đầu, bú kéo dài 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn, cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đa dạng và phù hợp với nhóm tuổi...). Tư vấn được tổ chức lồng ghép vào các thời điểm khám thai và tiêm chủng, uống Vitamin A cụ thể như sau: cho bà mẹ nuôi con dưới 2 tuổi và người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng tại các xã thị trấn được 6.890 lượt người nghe. Tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Được cân đo nhân trắc, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ.

Kết quả thực hiện được 4.620/4.904 đạt 94,21% (trong đó trẻ bị suy dinh dưỡng 485/4904 chiếm 10,5%). Trẻ thừa cân béo phì 22 trẻ chiếm 0,04%.

Hoạt động bổ sung vi chất dinh dưỡng; bổ sung Vitamin A cho trẻ từ 6 đến 59 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp. Kết quả triển khai bổ sung Vitamin A liều cao cho trẻ 6-36 tháng tuổi đợt I được 4.249/4269 chiếm 99,1%; bổ sung Vitamin A liều cao cho trẻ 6-59 tháng tuổi đợt II được 5.623/5623 đạt 100%.

Tẩy giun định kỳ cho trẻ từ 24-60 tháng. Nguồn do Viện dinh dưỡng quốc gia cấp thực hiện được 7.600/7.600 đạt 100%. Hoạt động truyền thông dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú. Tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em tại trạm y tế xã, thị trấn: Triển khai các chiến dịch truyền thông nhân các sự

kiện như: “Ngày vi chất dinh dưỡng” từ ngày 01 - 02/6”; “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển” từ ngày 16 - 23/10”; “Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ” từ ngày 01 - 07/8 nhằm tạo mối quan tâm và thúc đẩy thay đổi thái độ, nhận thức và hành vi của toàn xã hội đối với công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, thiếu vi chất dinh dưỡng, phòng chống thừa cân béo phì và các bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. Tổ chức truyền thông trực tiếp cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ tại 13 xã/199 người tham dự; Tổ chức thực hành trình diễn bữa ăn cho trẻ 13 cuộc/166 bà mẹ tham gia; In ấn, nhân bản tài liệu truyền thông, giáo dục dinh dưỡng: tờ rơi, băng zôn, khẩu hiệu... phù hợp với các nhóm đối tượng của địa phương.

Cung cấp thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và bộ dụng cụ trình diễn thức ăn, cho 13/22 xã thuộc khu vực I, II trên địa bàn huyện. Cân nặng (điện tử); Thước đo chiều cao, chiều dài 13/13 trạm; Thước đo chiều cao đứng, thước dây vòng cánh tay 108 thôn/13 xã vùng I, II. Bộ dụng cụ trình diễn thức ăn cho trẻ 13/13 trạm.

Công tác đào tạo tập huấn nâng cao năng lực của mạng lưới dinh dưỡng: Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về dinh dưỡng do tuyến tỉnh tổ chức. Tổ chức 01 lớp tập huấn cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực về dinh dưỡng hợp lý trẻ em 0-16 tuổi cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học. Triển khai 04 lớp/165 người tham dự; tuyến xã và cán bộ y tế trường học trên địa bàn huyện.

Hoạt động về kiểm tra, giám sát, đánh giá: Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm theo kế hoạch có sử dụng bộ công cụ đánh giá các chỉ tiêu của chương trình nhằm hỗ trợ công tác xây dựng kế hoạch.

- **Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình:** Tổng kinh phí: 566 triệu đồng (Trong đó ngân sách trung ương là 566 triệu đồng. Ngân sách địa phương 0). Hiện tại đã giải ngân được 392 triệu đồng đạt 69,2%.

c) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Đơn vị được giao thực hiện dự án là Trung tâm GDNN-GDTX huyện với tổng kinh phí được cấp 3.750 triệu đồng, trong đó: Năm 2022 tổ chức dạy nghề 07 lớp cho 199 người, với tổng kinh phí 552,476 triệu đồng đạt 50,14% kế hoạch; năm 2023 tổng kinh phí được cấp 2.148 triệu đồng, tính đến thời điểm báo cáo đã tổ chức dạy nghề 03 lớp sửa chữa máy nông nghiệp, trồng cây, nuôi lợn cho 105 người, với tổng kinh phí 369 triệu đồng đạt 17% kế hoạch.

Năm 2024, tổng kinh phí được cấp 592 triệu đồng, dự kiến tổ chức dạy nghề 03 lớp sửa chữa máy nông nghiệp, trồng cây, nuôi lợn với 105 người với tổng kinh phí 240 triệu đồng.

d) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu Dự án 1 - Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin

- Nâng cấp đài truyền thanh FM sang đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT tại 02 xã: Phú Xá, Xuân Long với tổng kinh phí 2.241 triệu đồng (*nguồn kinh phí được cấp năm 2022 chuyển sang và nguồn năm 2023*).

- Thực hiện các nội dung thiết lập mới đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT tại 04 xã: Bình Trung, Lộc Yên, Mẫu Sơn, Công Sơn và các thôn: thôn Nà Ca, xã Hợp Thành; thôn Tầm Nguyên, xã Tân Liên; thôn Ba Sơn, Tầu Lìn, Tân Cương xã Xuất Lễ; thôn Sông Danh, Pò Pháy, Nà Thâm xã Cao Lâu (*nguồn kinh phí được cấp năm 2023*).

Kết quả thực hiện năm 2022: Chưa thực hiện. Do chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết. Kinh phí năm 2022: Kết quả giải ngân: 4.141.000đ/427.000.000đ đạt 0,0097% kế hoạch vốn giao.

Kết quả thực hiện năm 2023: Đã thực hiện xong. Kinh phí năm 2023: Kết quả giải ngân: 1.589,408/1.814 triệu đồng đạt 87,62% kế hoạch vốn giao.

Năm 2024 dự kiến thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng tại cửa khẩu quốc tế ga Đồng Đăng với tổng kinh phí 835.168.000 đồng (*nguồn năm 2022, 2023 chuyển sang và nguồn năm 2024 trong đó năm 2024 là 601 triệu đồng*). Hiện đang triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 2 - Dự án 6: Truyền thông giảm nghèo:

Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: Đơn vị được giao thực hiện dự án là Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc huyện, năm 2022 in tờ rơi tuyên truyền (25.500 tờ) cho 22 xã, thị trấn với tổng kinh phí 51 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

Năm 2023 tổng kinh phí thực hiện: 239 triệu đồng. Thực hiện các nội dung cấp 66 pano, 24.000 tờ rơi, 7.000 quyển sổ tay. Tính đến thời điểm báo cáo dự kiến giải ngân 157,9 triệu đồng đạt 66,06% kế hoạch.

Tổng kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng. Dự kiến tổ chức truyền thông về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024 tại 22 xã, thị trấn với 22 lớp cho khoảng 1320 người tham dự.

e) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Năm 2022 tổ chức 04 lớp tập huấn cho 860 cộng tác viên thôn bản với kinh phí 332 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

Năm 2023, tổ chức 06 lớp tập huấn cho khoảng 1.268 cộng tác viên thôn bản với tổng kinh phí thực hiện: 536 triệu đồng. Hiện nay đến thời điểm báo cáo giải ngân 410,862 triệu đồng đạt 76,65% kế hoạch.

Dự kiến tổ chức 08 lớp tập huấn cho khoảng 1.660 là thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo cấp xã, thị trấn; cán bộ làm công tác giảm nghèo ở thôn bản với tổng kinh phí thực hiện: 468 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Năm 2022 tổ chức tập huấn công tác rà soát nghèo cho 217 người; kiểm tra, giám sát tại 10 xã với kinh phí 176 triệu đồng. Giải ngân 160,390 triệu đồng đạt 91,13%.

Năm 2023, tổ chức tập huấn công tác rà soát hộ nghèo cho 217 người; kiểm tra, giám sát tại 10 xã với kinh phí 286 triệu đồng. Hiện nay, đến thời điểm báo cáo giải ngân 168,122 triệu đồng đạt 58,78% kế hoạch.

Dự kiến tổ chức tập huấn công tác rà soát nghèo năm 2024 cho 217 người; kiểm tra giám sát tại 10 xã với kinh phí 312 triệu đồng.

4. Kết quả thực hiện mục tiêu của chương trình

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên (năm 2023 giảm 3,02% tương đương giảm 562 hộ so với năm 2022 vượt định hướng của tỉnh 2,9%, đạt so với chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện từ 3% trở lên).

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số được cấp thẻ BHYT.

- 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo được hỗ trợ giáo dục.

- 595 lao động thuộc hộ nghèo được dạy nghề.

- 100% hộ nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý.

- Triển khai 17 mô hình giảm nghèo tại 08 xã: Lộc Yên, Xuân Long, Thanh Loà, Bình Trung, Hoà Cư, Phú Xá, Công Sơn, Thạch Đạn cho 390 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- 100% công chức phụ trách công tác giảm nghèo được tập huấn.

5. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

- *Chính sách hỗ trợ y tế cho hộ nghèo:* Công tác cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo được cơ quan chuyên môn và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đồng bộ, nhanh chóng, kịp thời phát thẻ BHYT cho các hộ gia đình. Kết quả đã cấp thẻ Bảo hiểm Y tế (BHYT) cho các đối tượng người nghèo, người thuộc đối tượng hộ cận nghèo theo Quyết định số 705/QĐ-TTg, với tổng số 14.781 lượt người, tổng kinh phí là 5.948.099.000 đồng chiếm 18,03% so với tổng số người dân toàn huyện, chính sách hỗ trợ thẻ BHYT cho hộ nghèo và cận nghèo đã giúp nhiều người nghèo **có điều kiện chữa trị các bệnh hiểm nghèo, giảm bớt gánh nặng kinh tế gia đình và giảm nghèo bền vững.**

- *Chính sách hỗ trợ tiền điện thấp sáng cho hộ nghèo:* Thực hiện Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội. UBND huyện phân bổ kinh phí cho các xã, thị trấn tiền điện thấp sáng cho hộ nghèo, trên cơ sở đó UBND các xã, thị trấn thông báo công khai mức hỗ trợ tiền điện và danh sách từng hộ nghèo được hỗ trợ và lập danh sách trình UBND huyện phê duyệt danh sách hỗ trợ và thực hiện chi trả cho các hộ gia đình đảm bảo kịp thời. tổng số hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện thấp sáng là 6.180 hộ với tổng số tiền là 3.196.536.000 đồng, chính sách hỗ trợ tiền điện đã có những tác động tích cực

đối với những hộ nghèo đồng thời động viên để họ vươn lên, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- *Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo:*

Số lượt hộ nghèo được vay vốn là 406 lượt hộ nghèo, số tiền cho vay là 23.507 triệu đồng; dư nợ hộ nghèo được vay là 692 hộ, tổng số dư nợ (cho vay hộ nghèo) là 39.482 triệu đồng.

Số lượt hộ cận nghèo được vay vốn là 428 lượt hộ, số tiền cho vay là 16.402 triệu đồng; dư nợ hộ cận nghèo được vay là 538 hộ, tổng số dư nợ (cho vay hộ cận nghèo) là 32.319 triệu đồng.

Số lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn là 973 lượt hộ, số tiền cho vay là 59.018 triệu đồng; dư nợ hộ cận nghèo được vay là 1.324 hộ, tổng số dư nợ (cho vay hộ cận nghèo) là 89.191 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ giáo dục:*

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí tổng số: 29.104 lượt học sinh được hưởng chế độ, tổng kinh phí thực hiện: 14.257.295.000 đồng.

Thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cho 13.088 lượt học sinh, 934.120 kg gạo.

6. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các chính sách hỗ trợ cho đối tượng người nghèo, hộ nghèo được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND, Ban Chỉ đạo giảm nghèo của huyện, xã, thị trấn đã tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ và đạt được những kết quả nhất định góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện có sự phối kết hợp giữa các ngành liên quan đảm bảo cho các đối tượng người nghèo, hộ nghèo đều được thụ hưởng các chính sách của Đảng và Nhà nước quy định. Việc xây dựng các kế hoạch, văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, sâu rộng đến tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức và nhân dân. Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo được triển khai kịp thời, chính sách đã đến được với người dân được thụ hưởng, phát huy hiệu quả tích cực góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân nhất là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Một số dự án, tiểu dự án đạt so với kế hoạch đề ra như: Tiểu dự án truyền thông, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

* *Khó khăn, hạn chế*

- Nguồn lực đầu tư từ ngân sách đối ứng huyện còn khó khăn, khả năng huy động nguồn lực nhân dân còn thấp.

- Các chính sách giảm nghèo hiện hành cơ bản phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của người nghèo, nhất là hộ nghèo dân tộc thiểu số; tuy nhiên, việc chậm hướng dẫn, sửa đổi một số chính sách đã gây khó khăn cho cơ sở trong việc tổ chức thực hiện.

- Tỷ lệ hộ nghèo một số xã, thôn đặc biệt khó khăn còn cao, nguy cơ tái nghèo, nghèo mới; khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp.

- Một số xã tiến độ thực hiện, giải ngân còn chậm do việc triển khai tuyên truyền của xã đến đối tượng thụ hưởng chưa kịp thời, việc xây dựng dự toán dự án còn lúng túng.

- Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn còn mang nặng tính sản xuất tự cung tự cấp, tự sản tự tiêu, sản lượng một số nông sản không ổn định, tiêu thụ còn gặp khó khăn.

** Nguyên nhân*

- Nguyên nhân khách quan:

Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 có nhiều nội dung mới, một số nội dung phải chờ hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, hệ thống văn bản hướng dẫn không đồng bộ... Các tác động như thời tiết rét đậm rét hại, dịch tả lợn châu phi, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò... cũng ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Các nguồn lực huy động từ các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, sự đóng góp của Nhân dân thông qua Quỹ vì người nghèo còn rất hạn chế. Do đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn, các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn ít, quy mô nhỏ nên nguồn lực vận động xã hội hóa, ủng hộ chung tay vì người nghèo còn hạn chế.

+ Một số cơ quan trong chỉ đạo thực hiện, ban hành kế hoạch chưa cụ thể và hướng dẫn còn chậm, còn chung chung nên việc triển khai thực hiện chính sách, dự án chậm và lúng túng; chưa bố trí và huy động các nguồn lực; chưa tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác giảm nghèo hằng năm.

+ Một số ít người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách cấp trên; hiệu quả việc tổ chức tự quản lý, khai thác sử dụng các công trình sau đầu tư của cộng đồng còn hạn chế.

+ Công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức ở một số cơ sở chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, người thuộc hộ nghèo vẫn còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, làm hạn chế hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

c) Bài học kinh nghiệm

Một là, xác định đúng thực trạng đói nghèo, xác định đúng mục tiêu cơ bản phải giải quyết, đúng địa bàn ưu tiên các xã nghèo nhất, thôn bản khó khăn nhất để tập trung nguồn lực đầu tư, không dàn trải.

Hai là, phải huy động tổng hợp các nguồn lực, kể cả từ ngân sách nhà nước, tín dụng đóng góp của người dân, giúp đỡ của các tổ chức, các doanh nghiệp cho sự nghiệp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi.

Ba là, Tăng cường sự kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, phát hiện sai sót, kịp thời giúp các xã khắc phục mọi khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Trong tổ chức thực hiện chương trình phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch.

7. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đề xuất nên xem xét mở rộng đối tượng thụ hưởng là hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Đề nghị xem xét tăng mức vốn hỗ trợ cho các dự án thuộc các xã đặc biệt khó khăn do mức vốn hỗ trợ còn thấp.

- Đề xuất các cấp có thẩm quyền xem xét mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương đối với thiết lập mới đài truyền thanh xã, mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ theo số lượng cụm loa.

II. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước đến với mọi người dân. Giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%/năm.

- Tiếp tục rà soát, có phương án cứu trợ giáp hạt; tiếp tục hỗ trợ xoá nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ chính sách, người có công.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách xã hội tại các xã, thị trấn; Đảm bảo 100% hộ gia đình người nghèo được hưởng thụ đầy đủ các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hộ nghèo, xã nghèo như: chính sách vay vốn tín dụng, giáo dục, y tế, khuyến nông, khuyến lâm...

- Tổ chức thực hiện các dự án chương trình MTQG giảm nghèo cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo kịp thời, đúng đối tượng đảm bảo cho đối tượng thụ hưởng đầy đủ, đúng quy định.

2. Giải pháp

2.1. Tập trung huy động mọi nguồn lực hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo để họ tự vươn lên xóa đói giảm nghèo bền vững, khắc phục tình trạng đói nghèo thông qua việc khảo sát đánh giá hộ nghèo hàng năm. Xây dựng mô hình diêm ở xã để chỉ đạo rút kinh nghiệm.

2.2. Huy động vốn cho công tác giảm nghèo, huy động tối đa nguồn lực (Trung ương, địa phương, nhân dân) để thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững.

2.3. Tiếp tục triển khai các cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với hộ nghèo, xã nghèo: cấp thẻ BHYT, hỗ trợ chi phí học tập, học phí, miễn giảm học phí, trợ giá, trợ cước, hỗ trợ xoá nhà dột nát... cho hộ nghèo.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền cả nội dung và hình thức thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền. Phối hợp chặt chẽ giữa cấp uỷ chính quyền, các đoàn thể, quần chúng. Tập trung tuyên truyền sâu rộng ở các xã, thôn, bản đặc biệt thôn bản ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

2.5. Kiện toàn kịp thời Ban Chỉ đạo giảm nghèo từ huyện đến cơ sở khi có sự thay đổi thành viên ban, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai các chính sách, dự án giảm nghèo hiệu quả.

3. Dự kiến nhu cầu vốn năm 2026-2030

Tổng nhu cầu kinh phí năm 2026-2030: 38.630 triệu đồng.

(Có các biểu chi tiết gửi kèm theo).

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn huyện Cao Lộc./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCD rà soát hộ nghèo, cận nghèo của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- C, PCVP;
- Lưu: VT, LĐTBXH-DT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thịnh